

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2020

**KẾ HOẠCH VỀ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP và KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC KHÓA 11**

1. Thời gian: 24/05/2021 kết thúc.

2. Đơn vị thực tập: Sinh viên tự liên hệ. Trường hợp không tìm được, Học viện sẽ hỗ trợ.

3. Đề tài:

- Báo cáo thực tập: Chủ đề thực tập trong và ngoài ngành hàng không.

- Khóa luận: Khuyến khích chọn chủ đề trong ngành hàng không, ngoại trừ các sinh viên ngành du lịch.

4. KẾ HOẠCH THỰC TẬP TỐT NGHIỆP – ĐẠI HỌC KHÓA 10:

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Phụ trách	Ghi chú
1	Khoa thông báo tới các Giảng viên Học viện trong và ngoài Khoa tham gia hướng dẫn Báo cáo thực tập tốt nghiệp	21/12/2020→25/12/2020	K.VTHK	Gửi qua cổng thông tin egov danh sách GVHD
2	Thông báo cho sinh viên, Giảng viên về danh sách GVHD Báo cáo thực tập tốt nghiệp	28/12/2020→31/12/2020	K.VTHK	Đăng trên: sv.vaa.edu.vn
3	GVHD gặp gỡ SV, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến thực tập	04/01/2021→08/01/2021	GVHD	GVHD và SV liên hệ trực tiếp
4	SV làm giấy giới thiệu thực tập và gửi các đơn vị	11/01/2021→22/01/2021	Bộ phận QLSV	Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn SV (Cơ sở 1)
5	SV nộp đề cương cho GVHD	25/01/2021→29/01/2021	GVHD	
6	Danh sách sinh viên đủ điều kiện thực hiện KLTN	01/03/2021	K.VTHK, P.ĐT	Đăng trên: sv.vaa.edu.vn SV nộp đơn làm KLTN về Khoa.
7	SV đi thực tập và viết báo cáo	22/02/2021→ 18/04/2021 (Khoảng 8 tuần thực tập)	SV và GVHD	

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Phụ trách	Ghi chú
8	Nộp Báo cáo thực tập tốt nghiệp	19/04/2021	GVHD	Có xác nhận của đơn vị thực tập và nhận xét (có điểm) của GVHD
9	Chấm lại B/c thực tập điểm 10 và 10% lựa chọn ngẫu nhiên	26/04/2021 → 30/04/2021	HĐ do Khoa lập	
10	Học 02 môn thay thế đối với những sinh viên không làm KLTN	19/04/2021 → 23/05/2021	K.VTHK, P.ĐT, SV	SV làm KLTN vẫn đăng ký 02 môn thay thế. Phòng Đào tạo sẽ tự chuyển đăng ký thành KLTN sau
11	Thi kết thúc học phần cho các học phần thay thế	31/05/2021 → 06/06/2021	K.VTHK, P.ĐT, P.KThí	
12	Chấm HP thay thế, công bố điểm và phúc khảo	07/06/2021 → 20/06/2021	K.VTHK	
13	Làm Khóa luận tốt nghiệp	01/03/2021 → 23/05/2021	K.VTHK, SV	
14	Sinh viên nộp Khóa luận tốt nghiệp	24/05/2021	GVHD	Nộp trực tiếp cho GVHD
15	GVHD chấm và nộp Khóa luận TN cho Khoa	24/05/2021 → 06/06/2021	GVHD	Nộp tại Khoa Vận tải HK
16	Chấm phản biện KLTN	07/06/2021 → 13/06/2021	K.VTHK	
17	Nhập điểm lên hệ thống và phúc khảo KLTN	14/06/2021 → 20/06/2021	K.VTHK	
18	Xét tốt nghiệp	21/06/2021 → 18/07/2021	Hội đồng	Hội đồng xét TN

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO

**PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP - ĐẠI HỌC KHÓA 11**

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
1	1751010441	PHẠM QUỐC	BẢO	06/09/1999	17ĐHQTC	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
2	1751010082	TRẦN DUY	BẢO	16/05/1999	17ĐHQTC	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
3	1651010372	TRẦN	BÌNH	11/06/1998	17ĐHQTC	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
4	1651010171	NGUYỄN LƯU	ĐANG	19/09/1998	17ĐHQTC	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
5	1751010259	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	06/01/1999	17ĐHQTC	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
6	1751010019	TRẦN VÕ THÀNH	ĐẠT	01/06/1999	17ĐHQTC	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
7	1751010413	HUỖNH LÊ NGỌC KHÁNH	ĐOAN	06/07/1999	17ĐHQTC	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
8	1751010015	THÁI NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	21/07/1999	17ĐHQTC	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
9	1751010400	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	25/08/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
10	1751010429	NGUYỄN THỊ HẢI	DUYÊN	02/11/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
11	1751010234	NGUYỄN THÙY	DUYÊN	15/04/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
12	1751010052	TRƯƠNG THỊ THANH	GIANG	10/11/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
13	1751010102	THÁI THỊ THU	HÀ	10/09/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
14	1751010077	NGUYỄN PHÙNG GIA	HÂN	16/12/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
15	1751010289	ĐINH THU	HÀNG	16/07/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
16	1751010237	VŨ THỊ	HÀNG	05/09/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
17	1651010295	PHAN TRẦN ĐÔNG	HỒ	26/07/1998	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
18	1751010462	NGUYỄN HUY	HOÀNG	02/09/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẦN	
19	1751010159	HUỖNH THỊ ĐĂNG	HƯƠNG	10/09/1999	17ĐHQTC	TS. TRẦN VĨ	
20	1751010296	HUỖNH THỊ CẨM	HUỖNH	25/09/1999	17ĐHQTC	TS. TRẦN VĨ	
21	1751010092	CHÂU HUỆ	KHÁNH	17/11/1999	17ĐHQTC	TS. TRẦN VĨ	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
22	1751010365	HUỲNH THỊ HỒNG	KHOA	19/09/1999	17ĐHQTC	TS. TRẦN VĨ	
23	1751010066	ĐỖ TRUNG	KIẾN	18/03/1999	17ĐHQTC	TS. TRẦN VĨ	
24	1751010137	TRẦN CHÂU GIA	KIẾN	24/06/1999	17ĐHQTC	ThS. HỒ PHI DŨNG	
25	1751010444	ĐINH THANH	LÂM	08/10/1999	17ĐHQTC	ThS. HỒ PHI DŨNG	
26	1751010417	ĐOÀN THỊ THÙY	LINH	11/06/1999	17ĐHQTC	ThS. HỒ PHI DŨNG	
27	1751010302	HÀ NGỌC KHÁNH	LINH	05/12/1999	17ĐHQTC	ThS. HỒ PHI DŨNG	
28	1751010384	HÀ NGUYỄN YẾN	LINH	22/10/1999	17ĐHQTC	ThS. HỒ PHI DŨNG	
29	1751010306	TRƯƠNG THỊ MAI	LINH	12/08/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
30	1751010088	VÕ LÊ DIỆU	MY	19/04/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
31	1751010273	DIỆP BẢO	NGÂN	07/02/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
32	1751010230	HỒ HUỲNH KIM	NGÂN	18/01/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
33	1551010389	NGUYỄN TUYẾT	NGÂN	03/04/1997	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
34	1751010090	NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	01/08/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
35	1751010376	NGUYỄN HOÀN	NGUYỄN	17/08/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
36	1751010316	ĐOÀN THẢO	NHI	27/11/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
37	1751010106	HUỲNH NGỌC YẾN	NHI	02/02/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC HUỲN	
38	1751010446	NGUYỄN HÀ	NHI	21/08/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC HUỲN	
39	1751010119	DƯƠNG THỊ	NHUNG	02/05/1998	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC HUỲN	
40	1751010141	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	03/03/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC HUỲN	
41	1751010132	NGUYỄN PHONG	PHÚ	05/08/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC HUỲN	
42	1751010160	LƯU THOẠI	PHƯƠNG	13/11/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
43	1751010150	NGÔ TIẾN	QUANG	07/10/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
44	1751010093	BÙI DIỄM	QUỲNH	25/02/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
45	1751010213	PHẠM THỊ TRÚC	QUỲNH	01/05/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
46	1751010050	BÙI CHÍ	TÀI	22/03/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
47	1751010147	ĐỖ HỮU	THÁNG	10/04/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	

Handwritten signature

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
48	1751010401	NGUYỄN THỊ	THẢO	26/06/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
49	1751010308	NGÔ THỊ ANH	THƯ	24/08/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
50	1751010123	NGUYỄN VĂN	THUẬN	14/09/1997	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
51	1751010460	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	02/10/1999	17ĐHQTC	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
52	1751010203	HOÀNG THỊ THANH	THUY	06/01/1999	17ĐHQTC	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
53	1751010313	PHAN THỊ THUY	TIẾN	08/01/1999	17ĐHQTC	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
54	1751010072	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	TRÂM	04/06/1999	17ĐHQTC	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
55	1751010217	VÕ THỊ MỸ	TRÂM	18/04/1999	17ĐHQTC	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
56	1751010345	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	14/11/1999	17ĐHQTC	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
57	1751010098	PHẠM LÊ THUY	TRÚC	25/03/1999	17ĐHQTC	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
58	1751010108	NGUYỄN MẠNH	TRUNG	28/11/1999	17ĐHQTC	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
59	1751010303	VÕ NHẬT	TRƯỜNG	10/10/1999	17ĐHQTC	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
60	1751010219	BÙI LÊ ĐĂNG	TUYẾN	05/12/1999	17ĐHQTC	ThS. PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	
61	1751010432	NGUYỄN THỊ	UYẾN	28/03/1999	17ĐHQTC	ThS. PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	
62	1751010198	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYẾN	03/11/1999	17ĐHQTC	ThS. PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	
63	1751010403	HUỖNH AI	VI	07/09/1999	17ĐHQTC	ThS. PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	
64	1751010334	PHẠM TRẦN LAN	VY	31/03/1999	17ĐHQTC	ThS. PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	
65	1751010360	DƯƠNG TÚ	ANH	29/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
66	1751010333	NGUYỄN HOÀNG MINH	ANH	15/11/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
67	1751010394	NGUYỄN MINH	ANH	02/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
68	1751010279	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	20/09/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
69	1751010039	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	01/08/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
70	1751010111	CAO THỊ NGỌC	ÁNH	23/10/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
71	1751010235	ĐINH VĂN	CHƯƠNG	26/02/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
72	1751010468	PHAN THỊ KIM	CÚC	14/02/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
73	1751010014	LÝ NHẬT	DIỆU	28/03/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
74	1751010115	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	10/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
75	1751010128	NGUYỄN KHÁNH	DUY	15/06/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
76	1751010134	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	18/07/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
77	1751010035	TRƯƠNG NGUYỄN CHÍ	HIẾU	15/02/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
78	1751010007	NGUYỄN LÂM BẢO	HÒA	12/11/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
79	1751010004	ĐOÀN XUÂN	HOÀNG	28/08/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
80	1751010180	TRẦN THỊ	HON	17/01/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
81	1751010248	NGUYỄN VĂN	HÙNG	21/10/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
82	1751010379	TRẦN THỊ KIM	HƯƠNG	02/06/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
83	1751010083	TRINH NGỌC THIÊN	KIM	21/12/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	
84	1751010097	TRẦN THỊ TRÚC	LIÊN	06/08/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
85	1751010355	NGÔ THỊ TUYẾT	LINH	27/08/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
86	1751010341	LÂM TRÀ	MI	01/03/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
87	1751010408	HUỲNH THỊ HOÀN	MỸ	25/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
88	1751010267	LÊ THỊ HUỲNH	NGÂN	20/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
89	1751010422	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	20/04/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
90	1751010257	TRƯƠNG THỊ HUỆ	NGHIÊM	21/07/1999	17ĐHQTDL	ThS. BUI VŨ LƯƠNG	
91	1751010265	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	12/12/1999	17ĐHQTDL	ThS. BUI VŨ LƯƠNG	
92	1751010348	NGUYỄN HUỲNH THẢO	NGUYỄN	03/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. BUI VŨ LƯƠNG	
93	1751010466	TRẦN TẠ HẠNH	NGUYỄN	13/09/1999	17ĐHQTDL	ThS. BUI VŨ LƯƠNG	
94	1751010130	DANH NGUYỄN THANH	NHẢ	31/08/1999	17ĐHQTDL	ThS. BUI VŨ LƯƠNG	
95	1751010469	ĐẶNG KHÁNH	NHI	13/02/1998	17ĐHQTDL	ThS. BUI VŨ LƯƠNG	
96	1751010268	HUỲNH THỊ Ý	NHI	30/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. BUI VŨ LƯƠNG	
97	1751010447	PHAN THỊ LÂM	NHI	05/11/1998	17ĐHQTDL	ThS. BUI VŨ LƯƠNG	
98	1751010048	VÕ NGỌC THANH	NHU'	30/03/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
99	1751010181	NGUYỄN THỊ MAI	NƯƠNG	19/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
100	1751010131	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	13/04/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
101	1751010399	ĐẶNG THỊ MỘNG	PHI	02/12/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
102	1751010240	NGUYỄN GA	SIN	06/07/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
103	1751010367	PHẠM THỊ THANH	TÂM	25/01/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
104	1751010064	LƯU MINH	THẮNG	26/06/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
105	1751010163	ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	07/08/1999	17ĐHQTDL	ThS. ĐOÀN QUANG ĐỒNG	
106	1751010374	LÊ THỊ HIẾU	THẢO	13/11/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẬN	
107	1751010450	PHẠM THỊ	THẢO	22/03/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẬN	
108	1751010387	TRẦN HỮU	THIỆN	06/07/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẬN	
109	1751010370	NGUYỄN THỊ MINH	THƠ	13/06/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẬN	
110	1751010059	NGUYỄN MINH	THÔNG	28/08/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẬN	
111	1751010242	ĐÀO HÀ	THU	22/04/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẬN	
112	1751010292	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	19/10/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
113	1751010167	PHẠM THỊ MỘNG	THƯỜNG	10/03/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
114	1751010452	TRỊNH THANH	THÙY	01/08/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
115	1751010398	NGUYỄN LÊ NGUYỆT	THÙY	05/12/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
116	1751010148	TRẦN THÙY	TIẾN	02/11/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
117	1751010383	LÝ NGỌC	TRÂM	08/09/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
118	1751010021	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂM	09/06/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
119	1751010426	BÙI NGỌC	TRẦN	24/05/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
120	1751010028	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRÌNH	07/11/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
121	1751010372	NGUYỄN THANH	TRÚC	14/04/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
122	1751010169	PHẠM THỊ HỒNG	TRÚC	21/11/1999	17ĐHQTDL	ThS. NGUYỄN DUY TÂN	
123	1751010070	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	TUYỀN	22/04/1999	17ĐHQTDL	ThS. BÙI VŨ LƯƠNG	
124	1751010440	NGÔ HÀ	UYỀN	21/04/1999	17ĐHQTDL	ThS. BÙI VŨ LƯƠNG	
125	1751010436	NGÔ KIM	UYỀN	03/11/1999	17ĐHQTDL	ThS. BÙI VŨ LƯƠNG	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
126	1751010445	LÊ THỊ TƯỜNG	VI	18/09/1999	17ĐHQTDL	ThS. BÙI VŨ LƯƠNG	
127	1751010209	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	20/02/1999	17ĐHQTDL	ThS. BÙI VŨ LƯƠNG	
128	1751010129	NGUYỄN HOÀNG THẢO	VY	05/07/1999	17ĐHQTDL	ThS. BÙI VŨ LƯƠNG	
129	1751010136	NGUYỄN TƯỜNG	VY	17/11/1999	17ĐHQTDL	ThS. BÙI VŨ LƯƠNG	
130	1651010061	TRẦN THỊ THÚY	VY	29/04/1998	17ĐHQTDL	ThS. BÙI VŨ LƯƠNG	
131	1751010263	NGUYỄN DƯƠNG TRIỆU KIẾN	AN	08/09/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
132	1751010378	VŨ THỊ NGỌC	ANH	25/07/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
133	1751010395	LÊ THỊ MINH	CẨM	08/05/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
134	1751010319	NGUYỄN PHƯỚC	DUY	22/10/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
135	1551010315	VŨ QUANG	DUY	22/07/1997	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
136	1751010114	NGÔ HUỲNH PHÚ	HÀO	11/07/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
137	1751010287	LÂM VIỆT	HOÀNG	06/08/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
138	1751010320	NGUYỄN THỊ THU	HUÔNG	17/04/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
139	1751010065	TRẦN VĂN	KHÁNH	13/05/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
140	1751010135	THÁI THỊ HỒNG	LINH	17/05/1999	17ĐHQTTTH	PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	
141	1751010002	TRẦN NGỌC KHÁNH	LINH	16/09/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ XUÂN TỪ	
142	1751010301	ĐOÀN THỊ HUỲNH	MAI	20/07/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ XUÂN TỪ	
143	1751010363	PHAN THỊ THÚY	NHI	10/09/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ XUÂN TỪ	
144	1751010009	LƯƠNG HOÀNG	NHU'	03/01/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ XUÂN TỪ	
145	1751010026	TÔ THỊ HUỲNH	NHU'	11/08/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ XUÂN TỪ	
146	1751010221	NGÔ THỊ KHÁNH	NINH	23/09/1999	17ĐHQTTTH	ThS. NGUYỄN THỊ ANH THY	
147	1751010318	NGUYỄN TẤN	PHÁT	28/02/1999	17ĐHQTTTH	ThS. NGUYỄN THỊ ANH THY	
148	1751010347	BÙI LẠI HOÀNG	PHÚ	22/08/1999	17ĐHQTTTH	ThS. NGUYỄN THỊ ANH THY	
149	1751010193	PHẠM THỊ	PHU'ONG	20/02/1999	17ĐHQTTTH	ThS. NGUYỄN THỊ ANH THY	
150	1751010457	BÙI MINH	QUÍ	13/04/1999	17ĐHQTTTH	ThS. NGUYỄN THỊ ANH THY	
151	1751010277	PHAN THỊ TRÚC	QUYẾN	10/01/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ HOÀNG MINH	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
152	1751010246	LƯU THỊ XUÂN	QUỲNH	19/01/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ HOÀNG MINH	
153	1751010207	LÊ THỊ THANH	SƯƠNG	06/06/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ HOÀNG MINH	
154	1751010027	NGUYỄN NGỌC	TÂN	27/12/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ HOÀNG MINH	
155	1751010278	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	15/10/1999	17ĐHQTTTH	ThS. VŨ HOÀNG MINH	
156	1751010275	HOÀNG BẢO	THIỆN	22/11/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
157	1751010327	ĐỖ THỊ MINH	THÚ	01/09/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
158	1751010113	LÊ THỊ ANH	THÚ	22/11/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
159	1751010414	DƯƠNG THỊ THÚY	TIẾN	06/10/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
160	1751010323	NGUYỄN HOÀNG	TÍN	23/03/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
161	1751010166	HOÀNG THỊ	TRÂM	28/07/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
162	1751010358	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂM	03/11/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
163	1751010110	VŨ BÍCH	TRÂM	02/11/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
164	1751010350	NGUYỄN CƯỜNG HƯƠNG	TRANG	25/10/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
165	1751010231	NGUYỄN THỊ ĐOAN	TRANG	17/06/1999	17ĐHQTTTH	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
166	1751010344	ĐINH THỊ NGÂN	TUYỀN	03/08/1999	17ĐHQTTTH	ThS. HỒ NỮ TRÀ GIANG	
167	1751010331	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	15/05/1999	17ĐHQTTTH	ThS. HỒ NỮ TRÀ GIANG	
168	1751010349	QUẦN THỊ	TUYỀN	02/03/1999	17ĐHQTTTH	ThS. HỒ NỮ TRÀ GIANG	
169	1751010324	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	UYỀN	27/11/1999	17ĐHQTTTH	ThS. HỒ NỮ TRÀ GIANG	
170	1751010041	DƯƠNG THẢO	VY	16/07/1999	17ĐHQTTTH	ThS. HỒ NỮ TRÀ GIANG	
171	1751010045	ĐẶNG MINH HIỀN	ANH	26/10/1999	17ĐHQTTVT1	TS. NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG	
172	1751010029	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	02/07/1999	17ĐHQTTVT1	TS. NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG	
173	1751010142	NGUYỄN THỊ KIM	ÁNH	20/06/1999	17ĐHQTTVT1	TS. NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG	
174	1751010012	VƯƠNG QUỐC	BẢO	22/05/1999	17ĐHQTTVT1	TS. NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG	
175	1751010031	LÊ THỊ HUỖN	CHÂU	19/04/1999	17ĐHQTTVT1	TS. NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG	
176	1751010127	PHẠM THỊ MỸ	DUYỀN	15/12/1999	17ĐHQTTVT1	ThS. PHẠM THỊ CÚC PHƯƠNG	
177	1751010047	VÕ THỊ TAM	GIANG	08/05/1999	17ĐHQTTVT1	ThS. PHẠM THỊ CÚC PHƯƠNG	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
178	1751010010	BÙI THỊ	HÀ	12/12/1999	17ĐHQTVT1	ThS. PHẠM THỊ CÚC PHƯƠNG	
179	1751010116	TRẦN THỊ LỆ	HOA	18/02/1999	17ĐHQTVT1	ThS. PHẠM THỊ CÚC PHƯƠNG	
180	1751010025	LIÊU CHÍ	HÙNG	12/08/1999	17ĐHQTVT1	ThS. PHẠM THỊ CÚC PHƯƠNG	
181	1751010107	TÔ QUỲNH	HƯƠNG	01/08/1999	17ĐHQTVT1	TS. NGUYỄN THU HÀNG	
182	1751010018	VŨ THỊ NGỌC	HƯỜNG	02/04/1999	17ĐHQTVT1	TS. NGUYỄN THU HÀNG	
183	1751010105	PHAN THANH	HY	19/11/1999	17ĐHQTVT1	TS. NGUYỄN THU HÀNG	
184	1751010144	LÊ HÀ	KHANH	07/10/1999	17ĐHQTVT1	TS. NGUYỄN THU HÀNG	
185	1751010037	PHẠM TRẦN TỐ	KHANH	18/02/1999	17ĐHQTVT1	TS. NGUYỄN THU HÀNG	
186	1751010033	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	04/03/1999	17ĐHQTVT1	TS. NGUYỄN THU HÀNG	
187	1751010005	NGUYỄN THỊ NHƯ	KIM	10/09/1999	17ĐHQTVT1	TS. NGUYỄN THU HÀNG	
188	1751010453	LÝ NGUYỄN YẾN	LINH	28/06/1999	17ĐHQTVT1	TS. NGUYỄN THU HÀNG	
189	1751010042	PHẠM THỦY	LINH	06/10/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
190	1751010117	NGUYỄN THỊ	LOAN	06/12/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
191	1751010126	NGUYỄN THỊ THÚY	LY	26/06/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
192	1751010124	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	29/08/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
193	1751010011	NGUYỄN PHƯƠNG	MINH	13/12/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
194	1751010040	NGUYỄN ĐỨC	NGHI	05/05/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
195	1751010023	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHI	05/01/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
196	1751010121	NGUYỄN NGỌC YẾN	PHI	03/06/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
197	1751010008	ĐẶNG NGỌC	PHÚ	25/09/1999	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
198	1751010034	LÂM HÀ	PHƯƠNG	29/10/1998	17ĐHQTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	
199	1751010049	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	04/10/1999	17ĐHQTVT1	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
200	1751010118	ĐẶNG MINH	QUÂN	10/12/1999	17ĐHQTVT1	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
201	1751010125	NGUYỄN CÔNG	TÀI	22/01/1999	17ĐHQTVT1	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
202	1751010120	ĐỖ NGUYỄN TƯỜNG	THAO	02/04/1999	17ĐHQTVT1	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
203	1751010046	VŨ THIÊN	THẢO	28/01/1999	17ĐHQTVT1	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
204	1751010013	PHAN ĐỖ ANH	THU'	06/04/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
205	1751010020	PHAN NGUYỄN ANH	THU'	27/11/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
206	1551010097	LÊ MAI	THUẬN	05/11/1997	17ĐHQGTVT1	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
207	1751010139	NGUYỄN THỊ MỸ	TIẾN	04/09/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
208	1751010109	PHẠM MỸ	TRÂM	12/05/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
209	1751010038	HỒ THỊ KHÁNH	TRANG	19/06/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
210	1751010143	PHẠM VŨ THÙY	TRANG	01/10/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
211	1751010003	VŨ THỊ THẢO	TRANG	18/03/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
212	1751010030	NGUYỄN THỊ MỸ	TRINH	02/01/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
213	1751010133	LÊ THANH	TRỌNG	07/02/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
214	1751010022	LÊ THANH	TRÚC	08/05/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
215	1751010043	NGUYỄN MINH	TRUNG	11/12/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
216	1751010101	NGUYỄN THÁI	TUẤN	21/10/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	
217	1751010149	ĐOÀN NGỌC HÀ	UYÊN	06/06/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
218	1751010112	NGUYỄN VŨ THU	VÂN	09/07/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
219	1751010044	DƯƠNG BẢO KHÁNH	VY	12/06/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
220	1751010036	LẠI THỊ KHÁNH	VY	27/07/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
221	1751010461	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	12/09/1999	17ĐHQGTVT1	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
222	1751010186	NGUYỄN THÀNH	AN	15/07/1999	17ĐHQGTVT2	TS. CHU HOÀNG HÀ	
223	1751010155	NGUYỄN LAN	ANH	26/11/1999	17ĐHQGTVT2	TS. CHU HOÀNG HÀ	
224	1751010196	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	04/01/1999	17ĐHQGTVT2	TS. CHU HOÀNG HÀ	
225	1751010191	LÊ QUỐC	BẢO	20/05/1999	17ĐHQGTVT2	TS. CHU HOÀNG HÀ	
226	1751010202	PHAN THỊ BÍCH	CANG	16/08/1999	17ĐHQGTVT2	TS. CHU HOÀNG HÀ	
227	1751010204	LÝ MINH	CHIẾN	01/02/1999	17ĐHQGTVT2	ThS. HOÀNG TRUNG DŨNG	
228	1751010156	LƯƠNG TRẦN PHƯƠNG	DUNG	13/07/1999	17ĐHQGTVT2	ThS. HOÀNG TRUNG DŨNG	
229	1751010250	DƯƠNG THỊ HƯƠNG	GIANG	24/03/1999	17ĐHQGTVT2	ThS. HOÀNG TRUNG DŨNG	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
230	1751010211	ĐÌNH PHẠM HỒNG	HÀ	02/12/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG TRUNG DŨNG	
231	1751010151	HUỲNH THỊ THÚY	HÀNG	10/09/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG TRUNG DŨNG	
232	1751010190	TRỊNH THỊ NGỌC	HÀNG	22/07/1999	17ĐHQTVT2	TS. NGUYỄN THU HẰNG	
233	1751010188	VÕ NGUYỄN HỒNG	HẠNH	29/06/1999	17ĐHQTVT2	TS. NGUYỄN THU HẰNG	
234	1751010247	PHAN THỊ THU	HIỀN	14/05/1999	17ĐHQTVT2	TS. NGUYỄN THU HẰNG	
235	1751010212	NGUYỄN MINH TRUNG	HIẾU	21/02/1999	17ĐHQTVT2	TS. NGUYỄN THU HẰNG	
236	1751010201	NGUYỄN THỊ	HOA	17/10/1999	17ĐHQTVT2	TS. NGUYỄN THU HẰNG	
237	1751010215	LÊ VIỆT	HOÀNG	24/08/1999	17ĐHQTVT2	TS. NGUYỄN THU HẰNG	
238	1751010165	LƯU VIỆT	HOÀNG	10/10/1999	17ĐHQTVT2	TS. NGUYỄN THU HẰNG	
239	1751010223	HOÀNG THỊ ÁNH	HỒNG	22/11/1999	17ĐHQTVT2	TS. NGUYỄN THU HẰNG	
240	1751010244	ĐỖ NGỌC MINH	HƯƠNG	14/06/1999	17ĐHQTVT2	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
241	1751010233	LÊ NGỌC THẢO	HƯƠNG	05/08/1999	17ĐHQTVT2	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
242	1751010157	PHẠM HOÀNG	HUY	08/10/1999	17ĐHQTVT2	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
243	1751010170	BÙI THU	HUYỀN	23/08/1999	17ĐHQTVT2	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
244	1751010200	VŨ HUỲNH KHÁNH	HUYỀN	27/01/1999	17ĐHQTVT2	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	
245	1751010152	NGUYỄN LÊ	HUỲNH	10/01/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
246	1751010463	LÊ NGUYỄN KHÁNH	LINH	23/07/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
247	1751010172	TRƯƠNG THỊ HOÀI	LINH	26/03/1998	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
248	1751010175	NGUYỄN VĂN	LỘC	05/01/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
249	1751010192	HUỲNH VĂN	LŨM	10/11/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
250	1751010154	PHẠM HOÀNG	NGÂN	14/07/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
251	1751010185	HỒ BẢO	NGỌC	01/08/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
252	1751010176	NGUYỄN PHAN BÍCH	NGỌC	10/01/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
253	1751010178	MA QUỐC	NGUYỄN	02/06/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
254	1751010197	LÊ HOÀNG KHÁNH	NHI	31/03/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
255	1751010182	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHI	06/03/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
256	1751010161	TRẦN YẾN	NHI	12/01/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
257	1751010173	HOÀNG CÔNG	QUỐC	01/08/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
258	1751010179	BÙI THỊ BÍCH	TÂM	07/12/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
259	1751010171	DƯƠNG ĐỨC	TÂM	29/08/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
260	1751010183	NGUYỄN THANH	THẢO	26/12/1999	17ĐHQTVT2	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
261	1751010184	VÕ HIẾU	THẢO	29/10/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
262	1751010164	TRẦN THANH	THIỆN	14/10/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
263	1751010177	ĐỖ THỊ ANH	THU'	04/03/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
264	1751010162	NGUYỄN HỒNG MINH	THU'	06/08/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
265	1751010195	ĐẶNG THIÊN	TRIỀU	13/06/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
266	1751010454	ĐẶNG THỊ ÁNH	TUYẾT	11/05/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
267	1751010194	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	28/08/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
268	1751010153	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH	VY	04/12/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
269	1751010104	TRẦN THANH NHƯ'	Ý	21/08/1999	17ĐHQTVT2	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
270	1751010189	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	24/11/1999	17ĐHQTVT2	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
271	1751010256	ĐẶNG THỊ QUỲNH	ANH	06/09/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
272	1751010290	LÊ TUẤN	ANH	23/05/1995	17ĐHQTVT3	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
273	1751010270	NGUYỄN HOÀNG	ANH	18/06/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
274	1751010258	TRẦN QUẢN	BẢO	15/07/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
275	1751010297	NGUYỄN HÙNG	CƯỜNG	16/03/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
276	1751010269	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	20/07/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐỖ UYÊN TÂM	
277	1751010298	PHAN KỲ	DUYỀN	24/01/1999	17ĐHQTVT3	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
278	1751010251	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HIỀN	23/09/1999	17ĐHQTVT3	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
279	1751010282	PHẠM MINH	HIẾU	30/08/1999	17ĐHQTVT3	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
280	1751010274	NGUYỄN THỊ	HÒA	27/10/1999	17ĐHQTVT3	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
281	1751010255	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	06/05/1999	17ĐHQTVT3	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
282	1751010286	NGUYỄN KIM	HƯƠNG	04/06/1999	17ĐHQTVT3	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
283	1751010210	PHẠM MỸ	HUYỀN	31/07/1999	17ĐHQTVT3	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
284	1751010232	NGUYỄN TRÍ ANH	KHOA	24/03/1999	17ĐHQTVT3	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
285	1751010236	LÊ HOÀNG ANH	KIỆT	23/12/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
286	1751010227	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	LAN	11/10/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
287	1751010239	PHẠM THỊ	LIÊN	21/10/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
288	1751010253	CHÍ QUANG KIM	LINH	08/01/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
289	1751010464	HUYỀN ĐẶNG KHÁNH	LINH	20/01/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
290	1751010254	TRƯƠNG NGUYỄN THỊ MAI	LOAN	20/05/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
291	1751010264	VÕ HOÀNG	LỘC	21/12/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
292	1751010249	LÊ THỊ	MAI	15/05/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
293	1751010205	HUYỀN LÊ	MINH	17/01/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
294	1751010262	NGUYỄN THỊ LIÊU	MY	13/03/1998	17ĐHQTVT3	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
295	1751010294	VÕ PHẠM THU	NGÂN	25/01/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
296	1751010214	DƯƠNG THÀNH	NHÂN	08/07/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
297	1751010222	HUYỀN HỒNG	NHUNG	17/02/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
298	1751010206	H SI LA	NIỀ	12/10/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
299	1751010238	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	16/02/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
300	1751010226	DƯƠNG HOÀNG	PHƯƠNG	28/04/1999	17ĐHQTVT3	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
301	1751010243	LÊ NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	09/04/1999	17ĐHQTVT3	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
302	1751010218	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	27/01/1999	17ĐHQTVT3	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
303	1751010261	TRẦN BẢO	PHƯƠNG	26/01/1999	17ĐHQTVT3	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
304	1751010272	ĐỖ NGUYỄN KIM	PHƯƠNG	29/11/1999	17ĐHQTVT3	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
305	1751010280	MAI TRÚC	QUỲNH	14/12/1999	17ĐHQTVT3	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
306	1751010288	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	03/05/1999	17ĐHQTVT3	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
307	1751010285	TRẦN LÊ XUÂN	QUỲNH	22/06/1999	17ĐHQTVT3	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
308	1751010224	LƯU VĂN	THÀNH	22/12/1999	17ĐHQTVT3	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
309	1751010220	CHÂU THỊ ANH	THU'	16/05/1999	17ĐHQTVT3	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
310	1751010228	ĐOÀN NGỌC ANH	THU'	27/03/1999	17ĐHQTVT3	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
311	1751010241	HUỖNH THỊ NGỌC	THU'	05/11/1999	17ĐHQTVT3	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
312	1751010260	NGUYỄN THÁI	THƯƠNG	17/09/1999	17ĐHQTVT3	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
313	1751010208	PHÙNG BẢO	TRẦN	11/09/1999	17ĐHQTVT3	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
314	1751010465	NGUYỄN KIỀU	TRANG	09/08/1999	17ĐHQTVT3	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
315	1751010252	BÙI ANH NHẬT	TRUNG	13/03/1999	17ĐHQTVT3	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
316	1751010276	PHẠM THỊ CẨM	TÚ	03/05/1999	17ĐHQTVT3	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
317	1751010225	TRẦN NGỌC	TUẤN	26/04/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
318	1751010266	NGUYỄN NGỌC	TUYẾT	27/01/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
319	1751010293	NGUYỄN TRỌNG QUỐC	VŨ	26/03/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
320	1751010245	LƯU THỊ THU	YẾN	12/08/1999	17ĐHQTVT3	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
321	1751010310	TRẦN THỊ THUÝ	AN	27/07/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THANH TUẤN	
322	1751010362	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	24/06/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THANH TUẤN	
323	1751010427	TRẦN NGUYỄN TUẤN	ANH	02/09/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THANH TUẤN	
324	1751010434	LƯƠNG NGỌC	ÁNH	25/03/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THANH TUẤN	
325	1751010385	LÊ GIA	BẢO	09/06/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THANH TUẤN	
326	1751010415	TRẦN NGỌC	CẨM	15/11/1999	17ĐHQTVT4	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
327	1751010315	LÂM PHÁT	ĐẠT	19/03/1999	17ĐHQTVT4	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
328	1751010412	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	03/09/1999	17ĐHQTVT4	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
329	1751010364	NGUYỄN THỊ THU	DIỄM	08/11/1999	17ĐHQTVT4	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
330	1751010418	NGUYỄN THỊ KHÁNH	ĐOÀN	31/10/1999	17ĐHQTVT4	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
331	1751010375	BÙI THỊ THUỶ	DUYỀN	05/08/1999	17ĐHQTVT4	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
332	1751010328	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYỀN	21/05/1999	17ĐHQTVT4	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	
333	1751010322	PHAN THỊ KIM	DUYỀN	08/10/1999	17ĐHQTVT4	TS. NGUYỄN MẠNH TUẤN	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
334	1751010396	NGUYỄN THANH	GIÀU	26/10/1998	17ĐHQTVT4	TS. BÙI NHẤT VƯƠNG	
335	1751010356	VÕ ĐẠNG NGỌC	HÂN	25/07/1999	17ĐHQTVT4	TS. BÙI NHẤT VƯƠNG	
336	1751010353	PHAN THỊ	HÀNG	25/06/1999	17ĐHQTVT4	TS. BÙI NHẤT VƯƠNG	
337	1751010329	ĐỖ THỊ THU	HIỀN	07/02/1999	17ĐHQTVT4	TS. BÙI NHẤT VƯƠNG	
338	1751010359	TRẦN THỊ KIM	HUYỀN	20/03/1999	17ĐHQTVT4	TS. BÙI NHẤT VƯƠNG	
339	1751010332	VÕ THỊ XUÂN	HUYỀN	20/10/1999	17ĐHQTVT4	TS. BÙI NHẤT VƯƠNG	
340	1751010391	ĐỖ THỊ CẨM	LINH	08/11/1999	17ĐHQTVT4	TS. BÙI NHẤT VƯƠNG	
341	1751010346	LÊ THỊ YẾN	LINH	01/01/1999	17ĐHQTVT4	TS. BÙI NHẤT VƯƠNG	
342	1751010339	NGÔ ÁNH	LINH	28/08/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
343	1751010354	NGUYỄN PHAN HÀ	LINH	14/10/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
344	1751010326	HUỲNH THỊ THU	MAI	26/08/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
345	1751010309	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	30/04/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
346	1751010389	HUỲNH MINH	NGỌC	16/05/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
347	1751010330	NGUYỄN ĐÌNH TRÍ	NGUYỄN	04/04/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
348	1751010317	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	16/10/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
349	1751010312	ĐẶNG THỊ THU	NGUYỆT	12/04/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
350	1751010305	VÕ THỊ THỊ	NHÂN	19/10/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
351	1751010368	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	09/01/1998	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	
352	1751010373	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	25/03/1999	17ĐHQTVT4	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
353	1751010337	NGUYỄN ĐÀM ĐÔNG	NHU'	30/11/1999	17ĐHQTVT4	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
354	1751010340	TRẦN NGỌC HOÀNG	OANH	12/12/1999	17ĐHQTVT4	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
355	1751010382	TRẦN THỊ YẾN	OANH	01/03/1999	17ĐHQTVT4	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
356	1751010371	LÊ THÚY	QUYÊN	29/10/1999	17ĐHQTVT4	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
357	1751010381	BÙI NHƯ'	QUỲNH	06/06/1999	17ĐHQTVT4	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
358	1751010386	ĐỖ LÊ MỸ	QUỲNH	18/10/1999	17ĐHQTVT4	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	
359	1751010314	VŨ THỊ BĂNG	SAO	18/01/1999	17ĐHQTVT4	ThS. HOÀNG THỊ KIM QUY	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
360	1751010392	NGUYỄN MINH	TÂM	04/03/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
361	1751010342	LÊ THỊ MINH	THU'	01/01/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
362	1751010321	ĐOÀN THỊ KIM	THÙY	05/09/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
363	1751010307	TRƯƠNG HOÀNG MAI	TRÂM	22/07/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
364	1751010390	LÊ PHÙNG NHÂN	TRẦN	05/05/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
365	1751010343	NGUYỄN THỊ THẢO	TRANG	30/12/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
366	1751010366	NGUYỄN HỒNG	TU'OI	23/04/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
367	1751010352	TRẦN THANH	TUYỀN	26/08/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
368	1751010369	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	13/12/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
369	1751010377	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	01/05/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
370	1751010283	NGUYỄN TRỊNH CHÍ	VỸ	26/02/1999	17ĐHQTVT4	ThS. NGUYỄN NAM THANH	
371	1651010073	LÊ NGUYỄN VÂN	ANH	08/11/1997	17ĐHQTVT5	TS. BÙI NHẬT VƯƠNG	
372	1751010057	PHẠM LÊ QUỲNH	ANH	16/06/1999	17ĐHQTVT5	TS. BÙI NHẬT VƯƠNG	
373	1751010071	TRẦN THỊ MINH	ANH	02/11/1999	17ĐHQTVT5	TS. BÙI NHẬT VƯƠNG	
374	1751010060	TRỊNH CAO QUỐC	BẢO	29/12/1999	17ĐHQTVT5	TS. BÙI NHẬT VƯƠNG	
375	1751010078	NGUYỄN THỊ	CHUNG	02/04/1999	17ĐHQTVT5	TS. BÙI NHẬT VƯƠNG	
376	1751010081	NGUYỄN HỮU	ĐANG	12/12/1999	17ĐHQTVT5	TS. BÙI NHẬT VƯƠNG	
377	1651010093	TRẦN NGỌC	ĐÌNH	16/11/1998	17ĐHQTVT5	TS. BÙI NHẬT VƯƠNG	
378	1751010087	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	03/10/1999	17ĐHQTVT5	TS. BÙI NHẬT VƯƠNG	
379	1751010409	HUỲNH BẢO	DUY	28/02/1999	17ĐHQTVT5	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
380	1751010100	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYỀN	21/10/1999	17ĐHQTVT5	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
381	1751010068	HOÀNG CHÂU NGỌC	HÀ	05/01/1999	17ĐHQTVT5	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
382	1751010416	NGUYỄN NGỌC	HÂN	26/03/1998	17ĐHQTVT5	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
383	1751010096	PHẠM NGỌC BẢO	HÂN	17/10/1999	17ĐHQTVT5	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
384	1751010061	HỒ THỊ NGỌC	HẢO	19/08/1999	17ĐHQTVT5	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
385	1751010406	LÊ THỊ TÚ	HẢO	09/03/1999	17ĐHQTVT5	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
386	1751010437	ĐẶNG THỊ KHÁNH	HIỀN	01/08/1999	17ĐHQTVT5	ThS. NGUYỄN THỊ VĨNH HẰNG	
387	1751010433	LÊ THỊ THANH	HIỀN	22/04/1999	17ĐHQTVT5	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
388	1751010074	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	01/06/1999	17ĐHQTVT5	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
389	1551010445	TRẦN THỊ	HOÀNG	20/03/1997	17ĐHQTVT5	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
390	1751010419	LÊ THỊ THANH	HƯƠNG	20/12/1999	17ĐHQTVT5	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
391	1651010063	NGUYỄN NGỌC DIỄM	HƯƠNG	08/07/1998	17ĐHQTVT5	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
392	1651010119	VÕ THỊ QUỲNH	HƯƠNG	16/09/1998	17ĐHQTVT5	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
393	1751010424	VŨ THỊ	HUYỀN	25/01/1999	17ĐHQTVT5	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
394	1751010062	NGUYỄN XUÂN	KHANH	10/01/1999	17ĐHQTVT5	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	
395	1751010089	NGUYỄN NGỌC THIÊN	KIM	06/11/1999	17ĐHQTVT5	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
396	1751010438	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	31/07/1999	17ĐHQTVT5	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
397	1751010421	TRẦN THỊ BẢO	LINH	20/02/1999	17ĐHQTVT5	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
398	1751010459	TRẦN THỊ TRÀ	LINH	20/11/1999	17ĐHQTVT5	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
399	1751010058	TRẦN THẢO HÀ	MY	23/01/1999	17ĐHQTVT5	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
400	1751010439	HOÀNG THỊ TUYẾT	NGÂN	29/08/1999	17ĐHQTVT5	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
401	1751010073	NGÔ BÍCH	NGỌC	26/10/1999	17ĐHQTVT5	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
402	1751010402	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	10/10/1999	17ĐHQTVT5	ThS. HOÀNG THỊ KIM THOA	
403	1751010053	ĐỖ NGỌC THU	PHƯƠNG	31/03/1999	17ĐHQTVT5	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
404	1751010079	LÊ NGỌC THÚY	QUỲNH	20/06/1999	17ĐHQTVT5	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
405	1751010442	LÊ TRÚC	QUỲNH	15/03/1999	17ĐHQTVT5	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
406	1751010404	NGUYỄN THỊ HOÀI	SƯƠNG	25/10/1998	17ĐHQTVT5	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
407	1751010435	NGUYỄN CHÍ	TÀI	29/05/1999	17ĐHQTVT5	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
408	1751010069	NGUYỄN NGỌC	TÂM	10/02/1999	17ĐHQTVT5	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
409	1751010420	ĐỖ THỊ THANH	THẢO	30/06/1999	17ĐHQTVT5	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
410	1751010055	LÊ HOÀNG ANH	THU'	24/11/1999	17ĐHQTVT5	ThS. LÊ THỊ CHÂU KHA	
411	1751010056	NGUYỄN CHÁNH	TIẾN	05/02/1999	17ĐHQTVT5	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	

STT	Mã HS-SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Ghi chú
412	1751010423	HUỖNH THỊ THANH	TRÂM	26/10/1999	17ĐHQTVT5	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
413	1751010407	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	23/07/1999	17ĐHQTVT5	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
414	1751010410	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	26/06/1999	17ĐHQTVT5	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
415	1751010425	TRẦN THỊ THƯƠNG	TRANG	22/06/1999	17ĐHQTVT5	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
416	1751010080	LÊ THANH	TRÚC	27/06/1999	17ĐHQTVT5	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	
417	1751010063	NGUYỄN THỊ KIM	VÂN	15/01/1997	17ĐHQTVT5	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
418	1751010405	HUỖNH THANH	VY	07/11/1999	17ĐHQTVT5	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
419	1751010094	NGUYỄN NHÃ TRÚC	VY	29/05/1999	17ĐHQTVT5	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
420	1751010084	TRƯƠNG HOÀNG	YÊN	15/04/1999	17ĐHQTVT5	ThS. PHẠM HỮU HÀ	
421	1651010517	LÊ THỊ THANH	NHÂN	03.11.1998	QTKDTH2-K10	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
422	1651010507	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀO	10.06.1998	QTKDTH2-K10	ThS. ĐOÀN THỊ KIM THANH	
423	1651010249	HUỖNH ÁI	ĐÌNH	24.09.1998	QTKDVTHK2-K10	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
424	1651010516	NGUYỄN ĐOÀN ĐIỀN	LAM	20.06.1998	QTKDTH4-K10	ThS. NGUYỄN MAI DUY	
425	1551010496	ĐẶNG NGỌC	QUÝ	20.08.1996	QTKDCHK3-K9	ThS. NGUYỄN MAI DUY	

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. HÀ NAM KHÁNH GIAO

DANH SÁCH CỐ VẤN HỌC TẬP
KHOA VẬN TẢI NĂM HỌC 2020-2021

STT	Tên GV – Cố vấn học tập	LỚP/KHÓA PHỤ TRÁCH
		Tên lớp
1	Nguyễn Duy Tân 0914714214	18ĐHQTC1-K12
		18ĐHQTC2-K12
		18ĐHQTDL-K12
		18ĐHQTVT1-K12
2	Thầy Nguyễn Mai Duy 0903080649	18ĐHQTVT2-K12
		18ĐHQTVT3-K12
		18ĐHQTVT4-K12
3	Thầy Đoàn Quang Đồng 0989137200	17ĐHQTTTH-K11
		17ĐHQTVT1-K11
		Cao học khóa 4
4	Thầy Nguyễn Nam Thanh 0905853333	17ĐHQTVT2-K11
		17ĐHQTVT3-K11
		17ĐHQTVT4-K11
5	Cô Đoàn Thị Kim Thanh 0974598979	17ĐHQTVT5-K11
		17ĐHQTDL-K11
		17ĐHQTC-K11
6	Thầy Bùi Nhất Vương 0908580139	QT 01 – K14
		QT 03 – K14
7	Cô Nguyễn Thị Kim Ngân 0908384490	QT 02 – K14
		QT 04 – K14
8	Cô Nguyễn Thị Vĩnh Hằng 0983920320	QT05 – K14
		QT06 – K14
9	Thầy Bùi Vũ Lương 0987666159	QT07 – K14
		QT08 – K14
10	Cô Nguyễn Thị Lan Phương 0987576600	19ĐHQT04-K13
		19ĐHQT05-K13
11	Cô Đỗ Uyên Tâm 0776735715	19ĐHQT06-K13
		19ĐHQT07-K13
		19ĐHQT08-K13
12	Cô Hoàng Thị Kim Quy 0981823220	19ĐHQT03-K13
		18ĐHQT06-K12
		CAO HỌC KHÓA 3
13	Thầy Phạm Hữu Hà	CĐ TM 01-Khóa 14.2020

STT	Tên GV – Cố vấn học tập	LỚP/KHÓA PHỤ TRÁCH
		Tên lớp
	Thầy Phạm Hữu Hà 0915383558	CĐ TM 02- Khóa 14.2020
		CĐ TM 03- Khóa 14.2020
		CĐ thương mại 1 –K2
		CĐ thương mại 2 –K2
14	Cô Hoàng Thị Kim Thoa 0937222581	19ĐHQT01-K13
		19ĐHQT02-K13
15	Cô Nguyễn Thị Thanh Huyền 0969513308	CĐ thương mại 3 –K2
		CĐ thương mại 1 –K3
		CĐ thương mại 2 –K3
		CĐ thương mại 3 –K3
16	Cô Lê Thị Châu Kha 0963616816	QTVLVH-K11
		QTVHVL-K10
		QTVLVH-K7
		QTVLVH-K8
		QTVLVH-K9

17	PGS. HÀ NAM KHÁNH GIAO	0903306363
18	TS. NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG	0903926958
19	TS. CHU HOÀNG HÀ	0937698698
20	ThS. NGUYỄN THỊ CẨM LỆ	0909222164
21	ThS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	0983343666
22	ThS. NGUYỄN TRẦN THANH THUẬN	0918333772
23	ThS. HỒ PHI DŨNG	0903996996
24	ThS. TRẦN DIỆU HẰNG	0986028108
25	ThS. HOÀNG TRUNG DŨNG	0968336899
26	TS. VŨ LÊ HƯƠNG	0936156006
27	ThS. HỒ NỮ TRÀ GIANG	0938452007
28	ThS. NGUYỄN THỊ ANH THY	0377832807
29	ThS. PHAN THÀNH TRUNG	0945640660
30	TS. NGUYỄN MẠNH TUÂN	0903746475
31	ThS. NGUYỄN THANH TUẤN	0906396839
32	ThS. PHẠM THỊ CÚC PHƯƠNG	0908626369
33	ThS. VŨ XUÂN TỬ	0913830908
34	ThS. VŨ HOÀNG MINH	0903051277
35	TS. NGUYỄN THU HẰNG	0936921088
36	Ths. NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	0979409947
37	Ths. NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	0974745590